

Bản án số: **07/2025/DS-ST**

Ngày: 27-3-2025

V/v "*Tranh chấp kiện đòi tiền*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 243/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Kiện đòi tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 06/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng T.T.H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H1, TP Đà Nẵng. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Chu T.T.D, sinh năm 1986 và ông Lê V.H, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng. (Bà D có mặt, ông H vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng T.T.H trình bày:*

Bản thân bà H làm nghề buôn ve chai cá nhân từ khoảng năm 2001 cho đến nay, bà H thường xuyên đi thu gom mua bán ve chai ở các hộ gia đình người dân sinh sống xong thì quay về bán lại cho chủ đại lý ve chai bà N (thuộc thôn T, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng) sau này bà N để lại cho con là bà Chu T.T.D (sinh ngày: 02/01/1986, Số CCCD: 048186002094, HKTT: Thôn P, xã H, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng) đứng ra thu mua. Đến ngày 20/5/2020 vợ chồng anh Lê V.H (sinh ngày: 10/10/1983, Số CCCD: 048083001652, HKTT: Thôn P, xã H,

huyện Hòa Vang, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng) và chị Chu T.T.D có vay bà H 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) để xoay sở làm ăn và hứa khi nào bà H cần thì sẽ trả. Tiếp đó, vào ngày 05/12/2020, vợ chồng chị D và anh H tiếp tục mượn bà H số tiền là 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) để làm ăn trong quãng thời gian dịch bệnh khó khăn. Vào ngày 25/01/2021, vợ chồng chị D tiếp tục mượn bà H số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Ngày 08/02/2021, vợ chồng chị D mượn bà H số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu đồng). Đến ngày 05/03/2021 vợ chồng chị D mượn bà H số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Tính tổng số tiền mà vợ chồng chị D đã mượn là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu). Bản thân bà H đi buôn tích góp được một số tiền để dành, thấy vậy vợ chồng chị D dùng những lời lẽ hứa hẹn, ngon ngọt để vay mượn tiền của bà H, với niềm tin là làm ăn chung với vợ chồng chị D biết bao nhiêu năm trời nên bà H tin tưởng mà đưa tiền cho vợ chồng chị D mượn. Mỗi lần vay mượn, vợ chồng chị D anh H đều viết giấy để làm niềm tin cho bà H. Đến tháng 10/2021 do bản thân muốn lấy lại tiền để tổ chức đám cưới cho con cái, và ý định sửa sang lại nH cửa để con trai lấy vợ nên có gặp vợ chồng chị D để thông báo việc lấy lại số tiền đã cho mượn. Nhưng vợ chồng chị D cứ hứa hẹn, hứa hẹn mãi mà không trả cho bà H. Sau nhiều lần liên hệ vợ chồng chị D để trả nợ thì vẫn nhận những lời hứa hẹn vài ngày sau sẽ trả. Tuy nhiên, lại không thấy vợ chồng chị D trả nợ cho bà H. Đến đầu năm 2022, vợ chồng chị D bỏ đi để lại đại lý thu mua ve chai tên D thuộc thôn (thuộc thôn T, xã H, huyện Hòa Vang, Tp Đà Nẵng) cho người em đứng làm, còn mình lánh mặt không muốn để bà H gặp đòi tiền. Mặc dù, bà H đã tìm nhiều cách liên hệ với vợ chồng chị D ở nH và ở nơi làm việc thì vẫn không gặp được, bên cạnh đó vợ chồng chị D luôn tìm cách tránh né với ý định không trả lại tiền cho bà H.

Đầu tháng 7/2024, bà H có làm đơn thư gửi Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang để giải quyết, bà H và bà Chu T.T.D được Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang mời lên để làm việc với kết quả bà H và bà D thỏa thuận với nhau. Theo giấy thỏa thuận đề ngày 13/8/2024 giữa bà H và bà D thì các bên đã thống nhất chốt lại số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng. Bà D sẽ trả trước số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), số tiền nợ còn lại sẽ trả dần. Tuy nhiên, kể từ ngày hai bên thỏa thuận ở Tòa án về thì bà H nhiều lần liên hệ bà D bằng số điện thoại thì đã bị chặn, bà H đến nH tìm bà D nhưng nhiều lần không liên lạc được. Thấy vợ chồng bà D và ông H có biểu hiện trốn tránh trách nhiệm, không thực hiện lời hứa nên căn cứ các giấy mượn tiền bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Chu T.T.D và ông Lê V.H phải trả số tiền nợ gốc là 680.000.000đ (Sáu trăm tám mươi triệu đồng), bà H không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các buổi hoà giải bà Đặng T.T.H xác định nhiều lần cho vợ chồng bà D và ông H mượn tiền, tổng cộng là 680.000.000 đồng, đã trả được 5.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 675.000.000 đồng. Bà H và bà D đã thống nhất chốt lại số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng. Bà H yêu cầu vợ chồng

bà D và ông H phải trả dứt điểm một lần cho bà H số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, bà H cũng thừa nhận trước đây cho vợ chồng bà D mượn 100.000.000đ, Hng tháng vợ chồng bà D trả tiền lãi cho bà H là 3.000.000đ, đây là sự tự nguyện của vợ chồng bà D chứ bà không bắt buộc, bà D trả lãi được mấy tháng rồi không trả nữa.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Chu T.T.D trình bày:*

Bà và bà Đặng T.T.H có quan hệ vay mượn tiền từ năm 2014, bà D có vay của bà H 100.000.000đ, thỏa thuận trả tiền lãi 3.000.000đ/tháng. Khi làm ăn thuận lợi thì trả lãi đúng hạn và đều đặn. Sau đó mượn thêm của bà H nhiều lần, tổng số tiền gốc đã mượn của bà H là 680.000.000 đồng. Bà D mượn gốc và trả lãi tăng theo số tiền gốc đã mượn. Khi làm ăn thất bại và thua lỗ, đến tháng 10/2022 bà D bắt đầu xin ngừng trả lãi và cố gắng khắc phục trả dần số tiền gốc còn lại là 595.000.000 đồng. Ngày 13/8/2024, bà D đã xin bà H và chốt lại với bà H số nợ còn lại là 500.000.000 đồng, bà D cũng xin trả trước 50.000.000 đồng, còn lại trả trong vòng 2 năm. Bà D cũng cố gắng xoay sở để có tiền trả cho bà H nhưng do kinh tế khó khăn nên chưa có để trả cho bà H như đúng hạn. Đề nghị Tòa án và bà H gia hạn tạo điều kiện cho tôi có thời gian thu xếp vào tháng 5/2025 sẽ trả cho bà H 50.000.000 đồng, số tiền còn lại tôi xin trả dần trong 02 năm tiếp theo là năm 2026-2027.

Ngoài ra, trong giấy mượn tiền đề ngày 24/5/2020, phần người mượn tiền có bà D và em gái là Chu T.Lký vào phần người mượn tiền. Trên thực tế em gái bà D ký với tư cách người làm chứng, chứng kiến việc mượn tiền giữa bà và bà H, không liên quan đến số tiền vợ chồng bà D đã mượn của bà H.

Tại phiên tòa, bà D trình bày đã trả được khoảng 30.000.000 đồng tiền gốc, có viết giấy nhưng hiện nay bà D không tìm ra nên không thể cung cấp cho tòa án.

** Đối với bị đơn ông Lê V.H:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ đối với bị đơn ông Lê V.H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn ông Lê V.H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, tHnh phố Đà Nẵng phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Đối với nội D vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng T.T.H, buộc bà Chu T.T.D và ông Lê V.H số tiền nợ 500.000.000 đồng.

Do bà H không yêu cầu tính lãi nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng T.T.H nên bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà Chu T.T.D và ông Lê V.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp kiện đòi tài sản của nguyên đơn bà Đặng T.T.H với bị đơn bà Chu T.T.D và ông Lê V.H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tHnh phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê V.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội D:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1.1] Do quen biết với nhau nên bà Đặng T.T.H đã nhiều lần cho vợ chồng bà Chu T.T.D và ông Lê V.H vay mượn tiền với tổng số tiền là 680.000.000 đồng, vợ chồng bà D đã trả được 5.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 675.000.000 đồng. Ngày 13/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, giữa bà H và bà D đã thống nhất chốt lại số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng. Bà H yêu cầu vợ chồng bà D và ông H phải trả dứt điểm một lần số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Chu T.T.D cũng thừa nhận có quan hệ vay mượn tiền với bà Đặng T.T.H từ năm 2014, bà D có vay của bà H số tiền 100.000.000đ, thoả thuận trả tiền lãi 3.000.000đ/tháng. Khi làm ăn thuận lợi thì trả lãi đúng hẹn và đều đặn. Sau đó mượn thêm của bà H nhiều lần, tổng số tiền gốc đã mượn của bà H là 680.000.000 đồng. Khi làm ăn thất bại và thua lỗ, đến tháng 10/2022 thì bà D bắt đầu xin ngừng trả lãi và cố gắng khắc phục trả dần số tiền gốc còn lại là 595.000.000 đồng. Ngày 13/8/2024, bà D đã xin bà H và chốt lại với bà H số nợ còn lại là 500.000.000 đồng, bà D cũng xin trả trước 50.000.000 đồng, còn lại trả trong vòng 2 năm. Bà D cũng cố gắng xoay sở để có tiền trả cho bà H nhưng do kinh tế khó khăn nên chưa có để

trả cho bà H như đúng hẹn.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê V.H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1.2] Xét thấy, các giấy mượn tiền ngày 05/12/2020, 25/01/2021, 08/02/2021, 05/3/2021, 24/5/2020 thỏa mãn các điều kiện quy định tại các điều Điều 117, 118 và Điều 463 của Bộ luật dân sự nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đây là những hợp đồng vay không xác định thời hạn trả nợ, các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Thời hạn trả nợ được các bên thỏa thuận miệng và bị đơn bà Chu T.T.D, ông Lê V.H không thực hiện trả số tiền nợ đã mượn là vi phạm thỏa thuận. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại 274, 275, 280, 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở được HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà Chu T.T.D cho rằng đã trả được cho bà H 30.000.000 đồng tiền nợ gốc chứ không phải 5.000.000 đồng như bà H trình bày nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Ngoài ra bà D cũng cho rằng việc mượn tiền chỉ có mình bà D mượn, tuy nhiên theo các giấy mượn tiền ngày 05/3/2021, 05/12/2020 có ông Lê V.H cùng ký mượn tiền với bà D, bà D cũng thừa nhận việc mượn tiền nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh buôn bán của bà và ông H, ông H cũng biết việc mượn tiền này. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà D và ông H cùng trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng T.T.H và bị đơn bà Chu T.T.D cùng thống nhất số tiền còn nợ gốc là 500.000.000 đồng, bà H không yêu cầu tính lãi nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện giữa các bên.

[2.1.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà D và ông H có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng cho bà H.

[2.2] Về án phí:

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Chu T.T.D và ông Lê V.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là: 24.000.000 đồng. (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng)

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng T.T.H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.3] Theo những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 274, 275, 280, 466, 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng T.T.H về việc tranh chấp kiện đòi tiền đối với bị đơn bà Chu T.T.D và ông Lê V.H.

Buộc bà Chu T.T.D và ông Lê V.H phải trả cho bà Đặng T.T.H số tiền 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, nguyên đơn có đơn yêu cầu đối với số tiền bị đơn phải thanh toán, nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Hng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Chu T.T.D và ông Lê V.H phải chịu 24.000.000đ (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng T.T.H số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 15.600.000đ (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27 tháng 3 năm 2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự, thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Hòa Vang;
- Chi cục THADS h. Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Mỹ Loan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP.ĐÀ NẴNG**

Số: 07/2025/QĐ-SCBSBA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hòa Vang, ngày 10 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung bản án do sơ suất trong khâu đánh máy trong bản án số 07/2025/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp “kiện đòi tiền” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đặng T.T.H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H1, Tp Đà Nẵng.

- Bị đơn: Bà Chu T.T.D, sinh năm 1986 và ông Lê V.H, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H1, thành phố Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 07/2025/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng như sau:

Tại dòng thứ 22 và 23 từ trên xuống, trang 6 của bản án đã ghi: “Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng T.T.H số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 15.600.000đ (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*).”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đặng T.T.H số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 15.600.000đ (*Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002475 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.”

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Hòa Vang;
- Chi cục THADS h. Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Mỹ Loan

